

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 158 /2019/DS-PT

Ngày 21 tháng 10 năm 2019

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ.

Ông Ngô Thanh Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2019/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2019/QĐ-PT ngày 02/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn V, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp G, xã S, huyện X1, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Thiêm Diên Thoại, sinh năm 1960, thuộc Văn phòng luật sư Thiêm Diên Thoại, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hoàng Thị T1**, sinh năm 1966.
2. Chị **Trương Thị Thùy D**, sinh năm 1986.
3. Chị **Trương Thị Thùy N**, sinh năm 1988.
4. Chị **Trương Thị Kim P1**, sinh năm 1990.
5. Chị **Trương Thị Phương T2**, sinh năm 1993.
6. Anh **Trương Hoàng P2**, sinh năm 1995.
7. Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1966.
8. Chị **Nguyễn Thị Ngọc P3**, sinh năm 1987.
9. Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1988.
10. Chị **Nguyễn Thị Ngọc O**, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X1, Đồng Nai.

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1964, làm đại diện theo ủy quyền cho bà T3, chị Ngọc P3, chị H và chị O (Văn bản ủy quyền lập ngày 28-6-2016).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn P;

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc.

(Ông V, ông P có mặt; Luật sư Thoại và các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 03-10-2011, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn V trình bày:

Năm 2005, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ diện tích 309m², thửa số 132, tờ bản đồ 102, xã S. Đến ngày 03-6-2005, ông được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 698830. Ông Nguyễn Văn P là người sử dụng đất giáp ranh, tháng 11/2010 ông Nguyễn Văn P đã lấn chiếm diện tích đất của ông là 26,1m², được giới hạn bởi các mốc (C-D-E-F) theo Trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai phát hành ngày 18-5-2018.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến nay, ông đã nộp tạm ứng các chi phí đo đạc, trích lục hồ sơ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông tự nguyện chịu tất cả các khoản đã tạm ứng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 13-11-2015, không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá, thẩm định giá tài sản lại.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P phải chuyển 03 cây gòn, tháo dỡ phần tường xây và di dời toàn bộ tài sản có trên diện tích đất tranh chấp, trả

lại cho ông 26,1m² thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 102, xã S, được giới hạn bởi các mốc (C-D-E-F) theo Trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai phát hành ngày 18-5-2018, ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông là chủ sử dụng đất thửa 133, tờ bản đồ 102, xã S, giáp ranh với thửa đất 132, của ông Trương Văn V. Nguồn gốc thửa đất 132, của ông V là vào năm 1996, cha ông chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ một phần diện tích đất có chiều ngang 08m, dài 40m. Đến năm 2005, ông Đ chuyển nhượng lại cho V, gia đình ông V đã canh tác trên diện tích đất này được một thời gian thì cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất nên nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Suối Cao giải quyết, hòa giải không thành, nên ông V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông trả diện tích đất 26,1m², thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 102, xã S, được giới hạn bởi các mốc (C-D-E-F) theo Trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai phát hành ngày 18-5-2018.

Việc ông V cho rằng ông lấn chiếm đất là không có cơ sở, ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến nay, ông đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, ông tự nguyện chịu tất cả các khoản đã tạm ứng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông thống nhất kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 13-11-2015, không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá, thẩm định giá tài sản lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T1, chị Trương Thị Phương T2, chị Trương Thị Thúy N, anh Trương Hoàng P2, chị Trương Thị Thùy D, chị Trương Thị Kim P1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Trương Văn V, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn P là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị Ngọc P3, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bị đơn, không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai sửa đổi năm 2014; Căn cứ Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc gia đình ông Nguyễn Văn P trả lại cho ông Trương Văn V 26,1m² đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 102, xã S, được giới hạn bởi các mốc (C-D-E-F) theo

Trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai phát hành ngày 18-5-2018. (có phô tô kèm theo)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành.

- Ngày 22/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 27/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc ban hành Quyết định kháng nghị số 280/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị Bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm vì thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng sau đây:

+ **Giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03/10/2011 ông V yêu cầu ông P trả lại 25 m² đất lấn chiếm (BL 01). Tại biên bản hòa giải ngày 14/9/2016 ông V yêu cầu ông P trả 26 m² đất lấn chiếm theo bản đồ hiện trạng ngày 21/11/2011 (BL187). Tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2019 ông V yêu cầu ông P trả 26,1 m² đất lấn chiếm theo bản đồ hiện trạng ngày 18/5/2018 (BL 277). Như vậy ông V liên tục thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn ông V làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện từ 25m² thành 26,1m². Đồng thời tại biên bản phiên tòa (BL 312) ông V khai trên đất tranh chấp có tường gạch, cổng lưới B40, tiêu giống, cây gòn nhưng ông V không có ý kiến, không có yêu cầu gì về những tài sản này nhưng Tòa lại nhận định trong bản án là ông V yêu cầu ông P di dời những tài sản trên đất là không đúng ý chí ông V đồng thời nhận định: “*Trên phần đất tranh chấp có 03 cây gòn, cổng rào lưới B40, các tài sản khác ông P để trên đó ông P di dời để trả lại phần đất lấn chiếm... Đối với đoạn tường xây, cần buộc ông P tháo dỡ để trả lại quyền sử dụng đất cho ông V*” Như vậy là Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

+ **Bỏ sót người có quyền, nghĩa vụ liên quan:** Xét thấy ông V được cấp giấy CNQSD đất vào ngày 03/6/2015, còn ông P được cấp giấy CNQSD đất vào ngày 02/12/1999, việc cấp giấy căn cứ vào bản đồ năm 1998 để cấp. Nay ông V khởi kiện yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 26,1m² thì việc giải quyết phải căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1998 mới chính xác, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2015 vì khi cấp giấy chưa có bản đồ địa chính năm 2015. Tại bản “Trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính” số số 3857/2018 ngày 18/5/2018 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai có 01 phần của thửa 243 chưa rõ của ai. Theo bản đồ địa chính năm 1998 thì diện tích đất

tranh chấp 26,1m² nằm trong 03 thửa (132, 133, 243), nhưng theo ranh giới bản đồ địa chính năm 2015 diện tích đất tranh chấp 26,1m² nằm hoàn toàn trong 02 thửa (132, 243). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định 26,1m² nằm hoàn toàn trong thửa 132 là hoàn toàn không đúng với bản vẽ, dẫn đến vi phạm tố tụng là bỏ sót tư cách tố tụng của người sử dụng thửa đất số 243, là vi phạm về đường lối khi chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đúng ra chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+Thu thập chứng cứ không đầy đủ: Hồ sơ thể hiện đất ông V có nguồn gốc của ba ông P bán cho ông Đ vào năm 1996 với chiều dài 40m, lúc này tiếp giáp với đường đất rộng 4m. Đến năm 2005, ông Đ chuyển nhượng lại cho ông V thì đường đất đã làm thành đường nhựa và có mở rộng chiều ngang. Tòa án cấp sơ thẩm, chưa thu thập chứng cứ làm rõ Nhà nước làm đường nhựa vào năm nào, có mở rộng chiều ngang con đường đất trước đó hay không, nếu có thì mở rộng bao nhiêu mét và việc mở rộng có ảnh hưởng đến chiều dài đất ông V lúc ban đầu 40m sẽ giảm còn bao nhiêu?

Một số vi phạm khác: Biên bản nghị án tại bút lục 301, 302 vi phạm khoản 2 Điều 264 vì không thể hiện việc Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, thẩm phán chủ tọa biểu quyết sau cùng. Biên bản phiên tòa bút lục 314 chủ tọa không giải thích cho đương sự về việc 02 vị Hội thẩm nhân dân Lê Tịnh Tới, Bùi Văn Dũng thay thế 02 vị Hội thẩm nhân dân Trần Thị Kim Tân, Nguyễn Thị Hà.

Về đường lối: do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đường lối xét xử không có căn cứ pháp luật nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Vì vậy, kháng cáo của ông P và kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc là có căn cứ chấp nhận. Qua đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 04/10/2011, ông Trương Văn V có đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của ông V khoảng 25 m²; sau khi đo đạc, hòa giải ông V lại yêu cầu buộc ông P phải trả 26,1m², thửa đất số 132, tờ bản đồ số 102, xã Suối Cao theo trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính, do Văn phòng đăng ký đất tỉnh Đồng Nai

phát hành ngày 18/5/2018. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu ông V làm đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ra Thông báo bổ sung yêu cầu khởi kiện mà Tòa án vẫn giải quyết theo yêu cầu của ông V là buộc ông P phải trả 26,1m². Đồng thời tại phiên tòa ông V khai trên đất tranh chấp có tường gạch, cổng lưới B40, tiêu giống, cây gòn nhưng ông V không có ý kiến, không có yêu cầu gì về những tài sản này nhưng Tòa lại nhận định trong bản án là ông V yêu cầu ông P di dời những tài sản trên đất là không đúng ý chí ông V. Như vậy là Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

Trong phần xét thấy của Bản án, Tòa án nhận định: *“Trên phần đất tranh chấp có 03 cây gòn, cổng rào lưới B40, các tài sản khác ông P để trên đó ông P di dời để trả lại phần đất lấn chiếm (chuyển gòn đi nơi khác không chết và các tài sản khác chuyển đi vẫn còn nguyên giá trị sử dụng) là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Đối với đoạn tường xây, cần buộc ông P tháo dỡ để trả lại quyền sử dụng đất cho ông V”*; nhưng trong phần quyết định của bản án thì không tuyên buộc bị đơn phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất tranh chấp mà tuyên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn là thiếu sót, không thể thi hành ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về thu thập tài liệu chứng cứ và xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Theo hồ sơ vụ án đã thu thập thì thấy rằng: Lời khai của ông Trương Văn V thì chiều dài đất ông V 40m tính từ mép mương của đường xuống phía sau. Nếu đo từ tim đường nhựa vào thì chiều dài đất là 45m. Lời khai của ông Nguyễn Văn P là nếu đo từ tim đường vào thì đất ông P là 41,5m, không phải 45m. Sau khi bán đất cho ông V, ông V sử dụng do chính quyền làm đường nhựa mở rộng thêm ra 2m nên thửa đất 132 của ông V phải ngăn lại. Tòa án cấp sơ thẩm, chưa thu thập chứng cứ làm rõ Nhà nước làm đường nhựa vào năm nào, có mở rộng chiều ngang con đường đất trước đó hay không, nếu có thì mở rộng bao nhiêu mét và việc mở rộng có ảnh đến chiều dài đất ông V lúc ban đầu sẽ giảm còn bao nhiêu, để từ đó làm căn cứ xác định việc ông P có lấn chiếm đất của ông V hay không?

Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc gia đình ông Nguyễn Văn P trả lại cho ông Trương Văn V 26,1m² đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 102, xã S, được giới hạn bởi các mốc (C-D-E-F) theo trích lục và đo vẽ hiện trạng khu đất bản đồ địa chính, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai phát hành ngày 18-5-2018. Tuy nhiên theo bản vẽ số 3857/2018 ngày 18/5/2018 (BL 260, 261) phần đất tranh chấp có 01 phần thuộc thửa số 243, tờ bản đồ số 102, xã S thuộc quyền sử dụng của người khác nhưng Tòa án không đưa người sử dụng thửa đất số 243 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ họ có ý kiến gì trong vụ án mà tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không thể thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Biên bản nghị án vi phạm quy định theo Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, thẩm phán chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau

cùng nhưng theo biên bản nghị án ngày 14/5/2019 (BL 301, 302) không tuân thủ theo trình tự nêu trên là vi phạm thủ tục tố tụng. Biên bản phiên tòa (BL 314) chủ tọa không giải thích cho đương sự về việc 02 vị Hội thẩm nhân dân Lê Tịnh Tới, Bùi Văn Dũng thay thế 02 vị Hội thẩm nhân dân Trần Thị Kim Tân, Nguyễn Thị Hà.

Biên bản phiên tòa ngày 14/5/2019 (BL 311) thể hiện Hội đồng xét xử vào nghị án sau đó tuyên bố tạm dừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nhưng biên bản nghị án lại thể hiện Tòa không dừng phiên tòa mà Hội đồng xét xử ra tuyên án là vi phạm thủ tục tố tụng.

Từ phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc hủy án sơ thẩm.

[4] Về án phí: bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị hủy án sơ thẩm, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc.

Tuyên xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 007474 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Nữ - Ngô Thanh Sỹ

Trần Thanh Phong

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện X1;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phong

